TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/DS-ST
Ngày: 18/4/2025
"V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hoàng

Ông Nguyễn Viết Thanh

- *Thư ký phiên toà*: Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST–DS ngày 03/01/2025, về việc *"Tranh chấp về dân sự - hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 84/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thạch Mai B, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số A A, khóm A, phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số A A, tổ A, ấp A, xã A, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Văn Thị N, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Số A, A, Phường 4, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông B có mặt tại phiên tòa, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2024 và ngày 09/12/2024 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn ông Thạch Mai B trình bày:

Ông Thạch Mai B và bà Văn Thị N là chỗ quen biết. Ngày 26/02/2021 bà N cùng với Huỳnh Phú Thịnh (con bà N) có đến gặp ông B hỏi vay tiền,

việc vay tiền có làm Biên nhận. Bà N ký vào biên nhận và Huỳnh Phú Thịnh (con bà N) ký làm chứng về việc vay số tiền với nội dung:

" Biên nhận: Tôi Văn Thị N CMND số 340029009 hiện ngụ số nhà 88 f4 TPCL có mượn của em B số tiền 150.000.000 đông, lãi suất 5% 1 tháng. Nếu lấy lại cho hay trước 02 tuần."

Đến 24/3/2021 bà N tiếp tục hỏi ông B mượn thêm số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Viết chung phía dưới biên nhận vay 150.000.000 đồng với nội dung "24-3-2021 chị Ba N nhận thêm 50.000.000 đồng (năm mươi triệu)" Thoả thuận miệng lãi suất 5%/tháng.

Tổng gộp 02 lần vay mượn là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng).

Bà N nói miệng vay tiền mục đích vay là để làm kinh tế gia đình. Hai bên không có thỏa thuận thời hạn chỉ khi nào ông B muốn lấy tiền lại thì cho hay trước 02 tuần thì bà N sẽ trả tiền.

Bà N đóng lãi số tiền 150.000.000 đồng được 01 lần (ngày 26/3/2021) là: 7.500.000 đồng (150.000.000 đồng x 5% x 01 tháng).

Bà N đóng lãi số tiền 200.000.000 đồng được 05 lần từ 24/3/2021 đến 24/8/2021 là: 50.000.000 đồng (200.000.000 đồng x 5% x 05 tháng)

Tổng số tiền gốc Bà N vay là: 200.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi bà N đã đóng là: 57.500.000đồng. Từ ngày 24/8/2021 đến nay không thực hiện nghĩa vụ trả tiền

Tháng 8 năm 2024, Ông B có đến gặp bà N và Thịnh (con bà N) yêu cầu trả lại cho ông B số tiền vay gốc + lãi trên nhưng bà N không thực hiện.

Do đến hạn bà N không chịu trả vốn và lãi cho ông B, nên ông B yêu cầu phải trả phần tiền lãi với lãi suất 1,67%/tháng, cụ thể :

Phần lãi của số tiền 150.000.000 đồng từ ngày 24/2/2021 tính đến ngày 24/3/2021 là 1 tháng 150.000.000đồng x 1,67%/tháng x 1 tháng = 2.505.000 đồng.

Phần lãi của số tiền 200.000.000đồng từ ngày 24/3/2021 tính đến ngày 02/10/2024 là tròn 44 tháng (03 năm 6 tháng) : 200.000.000 đông x 1,67%/tháng x 42 tháng = 140.280.000 đồng.

Tổng lãi bà N phải trả cho ông B từ ngày 26/2/2021 tính đến ngày 02/10/2024 là 2.505.000 đồng + 140.280.000 đồng = 142.785.000 đồng.

Lãi suất bà N đóng thiếu: 142.785.000 đồng - 57.500.000đồng = 85.285.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi + vốn là: 200.000.000 + 85.285.000 đồng = 285.285.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Nay Ông B yêu cầu bà Văn Thị N có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền vốn là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính từ ngày 24/3/2021 tính đến ngày 02/10/2024 là 85.285.000đồng. Tổng cộng vốn và lãi tạm tính là 285.285.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Ông B yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi số tiến vốn 200.000.000 đồng với lãi suất 1,67%/ tháng thời gian tính từ ngày 04/10/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Biên nhận ngày 26/2/2021 do bà N viết và ký tên. Biên nhận ngày 24/3/2021 bà N viết do cùng một tờ giấy tập học sinh nên không yêu cầu bà N ký tên.

Tại phiên tòa hôm nay, ông B nhận thấy số tiền lãi ông nhận của bà N vượt qua mức lãi suất là 10%/năm nên ông tự nguyện cấn trừ tiền lãi đã nhận vào số tiền vốn vay và rút yêu cầu về tiền lãi trong vụ án này, cụ thể: rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền vốn vay là 10.500.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 24/3/2021 tính đến ngày 02/10/2024 là 85.285.000đồng.Ông chỉ yêu cầu bà bà Văn Thị N có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền vốn là 189.500.000 đồng (một trăm tám mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay đến khi xét xử, yêu cầu tính lãi kể từ ngày tòa án tuyên án đến khi bà N trả đủ tiền cho ông. Ngoài ra bà N không còn nợ ông số tiền nào khác tính đến thời điểm hiện tại.

Ông B không yêu cầu đối với Huỳnh Phú Thịnh trong vụ án này

Tại phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn Văn Thị N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời bà N có đơn xin miễn án phí nhưng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của ông Thạch Mai B và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn bà Văn Thị N, sinh năm: 1962; địa chỉ: Số 88, Thiên Hộ Dương, Phường 4, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Văn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về tiền vốn vay: Ngày 26/02/2021 bà N cùng với Huỳnh Phú Thịnh (con bà N) có đến gặp ông B hỏi vay tiền, việc vay tiền có làm Biên nhận. Bà N ký vào biên nhận và Huỳnh Phú Thịnh (con bà N) ký làm chứng về việc vay số tiền với nội dung:

" Biên nhận: Tôi Văn Thị N CMND số 340029009 hiện ngụ số nhà 88 f4 TPCL có mượn của em B số tiền 150.000.000 đông, lãi suất 5% 1 tháng. Nếu lấy lại cho hay trước 02 tuần."

Đến 24/3/2021 bà N tiếp tục hỏi ông B mượn thêm số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Viết chung phía dưới biên nhận vay 150.000.000 đồng với nội dung "24-3-2021 chị Ba N nhận thêm 50.000.000 đồng (năm mươi triệu)" Thoả thuận miệng lãi suất 5%/tháng.

Tổng số tiền vay là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng).

Bà N nói miệng vay tiền mục đích vay là để làm kinh tế gia đình. Hai bên không có thỏa thuận thời hạn chỉ khi nào ông B muốn lấy tiền lại thì cho hay trước 02 tuần thì bà N sẽ trả tiền.

Bà N đóng lãi số tiền 150.000.000 đồng được 01 lần (ngày 26/3/2021) là: 7.500.000 đồng (150.000.000 đồng x 5% x 01 tháng).

Bà N đóng lãi số tiền 200.000.000 đồng được 05 lần từ 24/3/2021 đến 24/8/2021 là: 50.000.000 đồng(200.000.000 đồng x 5% x 05 tháng)

Tổng số tiền gốc Bà N vay là: 200.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi bà N đã đóng là: 57.500.000đồng từ ngày 26/3/2021 đến ngày 24/8/2021.

Tháng 8 năm 2024, Ông B có đến gặp bà N và Thịnh (con bà N) yêu cầu trả lại cho ông B số tiền vay gốc + lãi trên nhưng bà N không thực hiện.

Tại phiên tòa, ông B nhận thấy số tiền lãi ông nhận của bà N vượt qua mức lãi suất là 10%/năm nên ông tự nguyện cấn trừ tiền lãi đã nhận vào số tiền vốn vay và rút yêu cầu về tiền lãi trong vụ án này. Số tiền vay vốn gốc tại phiên tòa ông B yêu cầu là 189.500.000 đồng (một trăm tám mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay đến khi xét xử, yêu cầu tính lãi kể từ ngày tòa án tuyên án đến khi bà N trả đủ tiền cho ông.

Xét việc ông B rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền vốn vay là 10.500.000đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 24/3/2021 tính đến ngày 02/10/2024 là 85.285.000đồng, là tự nguyện và có lợi cho bà N, phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 5, Điều 217, Điều 218, Điều

244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Số tiền trên cùng tài liệu chứng cứ ông B cung cấp, Tòa án đã thông báo cho bà N biết nhưng bà không có ý kiến về nội dung vụ án, chỉ cung cấp đơn xin miễn án phí nhưng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ có liên quan phủ định tài liệu, chứng cứ ông B cung cấp và vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện bà N có vay của ông B số tiền 200.000.000 đồng, giao dịch này đủ điều kiện có hiệu lực pháp luật nên bà N phải có trách nhiệm trả cho ông B số tiền vốn vay ông B yêu cầu tại phiên tòa hôm nay là 189.500.000 đồng theo quy định tại Điều 401, Điều 463, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với anh Huỳnh Phú Thịnh, ông B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nhưng do bà N thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Văn Thị N thuộc trường hợp người được miễn tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 401, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Mai B.

Bà Văn Thị N phải trả cho ông Thạch Mai B số tiền vốn là 189.500.000 (một trăm tám mươi chín triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên nhận ngày 26/2/2022.

Đình chỉ tiền vốn vay là 10.500.000đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 24/3/2021 tính đến ngày 02/10/2024 là 85.285.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Văn Thị N được miễn tiền án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Ông Thạch Mai B được nhận tiền tạm ứng án phí là 7.132.000 (bảy triệu một trăm ba mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0013174 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Mai